

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Số: 626/2023/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố H, ngày 31 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 328/2022/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Đình Mai T, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: 253 B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Lô 20 K, phường K1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Mai Văn D, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: 253 B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Lô 20 K, phường K1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Đình Mai T và anh Mai Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Đình Mai T và anh Mai Văn D xác nhận có 03 con chung: Mai Trần Hoàng M, sinh ngày 01/7/2026; Mai Trần Hoàng A, sinh ngày 26/6/2008 và Mai Trần Hoàng Đ, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay, 03 con đang còn sống cùng với chị T và anh D.

Chị T và anh D thoả thuận: Giao 02 cháu Hoàng M, Hoàng A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Đ cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; không ai cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: Án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị T tự nguyện chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005895 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T được nhận lại 150.000 đồng.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường P, thành phố H;
(ĐKKH số 46, ngày 16/6/2006)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Nguyễn Đình Tú